

Texas Du Kỳ

Nguyễn Giụ Hùng



Chúng tôi lại có dịp về Shreveport, một thành phố hiền hòa ở miền Bắc tiểu bang Louisiana để thăm gia đình và ông bà “bảo trợ” (sponsor), những người đã giúp đỡ cho chúng tôi trong những ngày đầu tiên đặt chân lên đất Mỹ. Khi tôi trở lại đây lần này so với ngày mới tới, mọi cảnh vật vẫn cứ như xưa, riêng “người xưa” thì đã có ít nhiều thay đổi. Cái “cô bé” Mỹ choai choai hàng xóm năm xưa, nay đã trở thành một thiếu phụ “tay bông tay bé”, “tay xách nách mang” rồi. Thời gian sao đi nhanh quá!

Tôi ở chơi vài ngày thì được vợ chồng cô em nhà tôi đề nghị “đãi” chúng tôi một chuyến du lịch Texas để “thăm dân cho biết sự tình”. Chúng tôi hăm hở nhận ngay món quà quý báu ấy. Sáng sớm hôm sau, chúng tôi dậy thật sớm để chuẩn bị cho chuyến đi chơi xa. Tôi ngồi nhâm nhi tách cà phê nhìn ra ngoài trời. Màn trời vẫn như còn phủ lớp sương mai mờ nhạt, khung cảnh thật thanh bình khác hẳn với San Jose náo nhiệt, nơi tôi đang sống. Giờ khởi hành đã đến, từ Shreveport chúng tôi “lấy” xa lộ HWY 20 thẳng tiến về hướng Dallas, Texas. Triều, tên người em cột chèo lái xe, tôi ngồi bên cạnh, và tất nhiên hai bà ngồi ở hàng ghế sau để rồi đây tha hồ ngủ, ngủ gà ngủ gật cũng được mà ngủ say cũng được hay có thể ngủ nhiều hơn thức trên suốt cuộc hành trình dài trên xa lộ. Tôi và Triều sẽ được tha hồ nói chuyện với nhau.



Đọc theo xa lộ từ Shreveport đến biên giới Texas, rừng thông (pine) mọc hai bên đường đã dần hiện ra xanh ngát một màu dưới ánh sáng ban mai, thỉnh thoảng mới có một vài loại cây khác lạc loài xen kẽ vào một cách hiếm hoi. Nhìn thông mãi cũng chán, cứ một điệu monotone nhàm chán như thế kéo đến cả trăm dặm nên hai chúng tôi ngồi cạnh nhau cứ phải nói chuyện với nhau liên tục để phòng khi buồn ngủ trong lúc lái xe. Thế rồi, sau hơn hai giờ kể từ lúc khởi hành, chúng tôi cũng tới được biên giới của hai tiểu bang Louisiana và Texas khi trời còn sớm. Càng vào sâu nội địa Texas, những cánh rừng thông bạt ngàn dọc theo xa lộ cũng bớt đi để nhường chỗ cho những vùng đất phẳng

hay đồi thấp xanh tươi càng ngày càng được mở rộng ra.

Để khởi đầu câu chuyện về Texas, Triều cho biết không thể không kể cho tôi nghe về cao nguyên Great Plains.

Vùng cao nguyên Great Plains - Great Plains zone

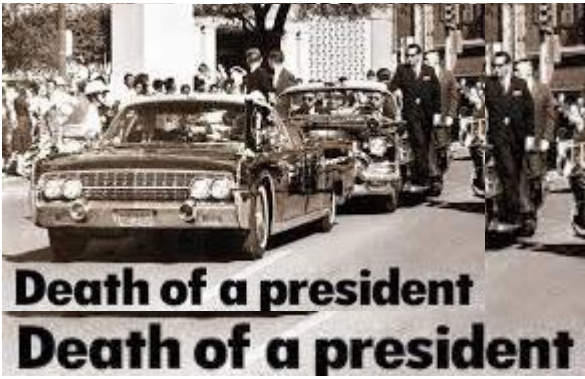
Nếu muốn biết rõ về Texas ta cần phải nhìn nó trong cùng một khung cảnh tổng thể, nghĩa là nhìn nó nằm



cùng với cả một vùng đất rộng lớn mang một số tính chất chung giống nhau thuộc cao nguyên gọi là Great Plains. Great Plains được giới hạn bởi một dải đất chạy theo hướng bắc-nam có chiều dài 1600 dặm (khoảng 2600 cây số) từ phía bắc, bắt đầu từ biên giới Canada, chạy xuôi nam tới vịnh Mễ Tây Cơ, và theo hướng đông-tây có chiều ngang là 400 dặm (khoảng 650 cây số), trong đó gồm sáu tiểu bang North Dakota, South Dakota, Nebraska, Kansas, Oklahoma và Texas. (Có sách địa dư phân định cao nguyên Great Plains rộng lớn hơn nhiều với 800 dặm (khoảng 1300 cây số) chiều ngang và 2000 dặm (khoảng 3200 cây số) chiều dài, gồm

thêm nhiều tiểu bang nữa và kể cả một phần đất của Alberta thuộc Canada).

Nếu chỉ nhìn thoáng qua, ta cảm thấy Great Plains như một dải cao nguyên bằng phẳng được trải dài như mặt bàn hay bãi sa mạc. Nhưng thật ra, độ cao của nó đã được nâng cao dần lên từ phía đông với độ cao 1000 feet (khoảng 300 mét) so với mặt biển, sang phía tây với độ cao 5000 feet (khoảng 1500 mét), càng gần rặng



núi Rocky Mountain độ cao càng tăng nhanh. Dải cao nguyên này có những nét đặc thù khác biệt hẳn với vùng đất khác của Hoa Kỳ: đất tuy màu mỡ nhưng khô, không có nhiều cây xanh hay rừng. Điều kiện khí hậu khắc nghiệt ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế vào thời kỳ những di dân đầu tiên mới đến đây lập nghiệp. Lúa mì và ngô được trồng nhiều ở vùng phía đông, chăn nuôi được phát triển mạnh ở vùng phía tây vì có những cánh đồng cỏ lý tưởng. Kansas đứng đầu cả nước về trồng lúa mì, North Dakota đứng thứ hai.

Vi Great Plains là vùng đất trống, ít cây và rừng, nên khó có thể bảo vệ được đất đai mỗi khi giông bão hay sự thay đổi thời tiết bất ngờ. Vào mùa đông, có nơi tuyết phủ dày tới 15 hay 20 inches (khoảng 38 hay 50 cm). Vào mùa hè, cũng chính những nơi ấy, mùa màng hay gia súc có thể chết vì nóng cháy. Một số vùng mưa rất ít, nước trở nên vô cùng khan hiếm, đôi khi nước còn quý hơn cả đất đai. Hàng nghìn nông trại, chỉ cần có thêm hay ít đi vài inch (1 inch=2.5 cm) nước mưa một năm là có thể làm thay đổi cục diện mùa màng năm đó, hoặc rất thành công hoặc thất bại hoàn toàn. Đây là chưa kể tới những năm hạn hán, không một giọt mưa, đất trở thành bụi (dust), để rồi những trận “bão bụi” (dust storm) thổi mạnh tàn phá nông trại hay thị xã nhỏ, có khi tưởng chừng như chúng biến mất.

Thành phố Dallas-Fort Worth



Xe chúng tôi tiến dần vào thành phố Dallas. Trái với dự đoán ban đầu, Dallas có nhiều cây xanh và những bãi cỏ xanh tươi tốt trải rộng ngút tầm mắt chứ không phải chỉ được xây dựng trên một mảnh đất khô cằn thuộc cao nguyên Great Plains như đã được kể ở trên. Xa lộ, đường phố mở rộng thênh thang, nhiều chỗ có tới 5 hàng xe mỗi chiều. Xe cộ chạy như mắc cửi trên mạng lưới giao thông, chỉ cần lơ đãng một chút là có thể lạc đường. Từ mấy năm nay, nhiều hãng xưởng mới được xây dựng lên, lại thêm những hãng xưởng ở những tiểu bang khác dọn

về đây toàn bộ hay một phần, làm kinh tế Dallas trở nên phồn thịnh một cách đột ngột. Nơi đây đang có một nền kinh tế nở rộ (booming). Nói theo sự phát triển kinh tế ấy, số nhà cửa được xây dựng lên ào ạt để đáp ứng nhu cầu của những người về đây làm việc. Những khu nhà mới xây mọc lên như nấm. Khác với vùng San Jose tôi ở, đất chật người đông không còn chỗ phát triển. Trong khi đó, Dallas có nhiều đất trống nên ngành địa ốc tha hồ phát triển mạnh. Giá nhà cũng đã tăng cao hơn so với những năm trước đây. Nghe nói, Dallas cũng đã từng chịu ảnh hưởng bởi sự suy thoái kinh tế của thế giới và nước Mỹ trong thập kỷ trước (2008), nhưng không nhiều.

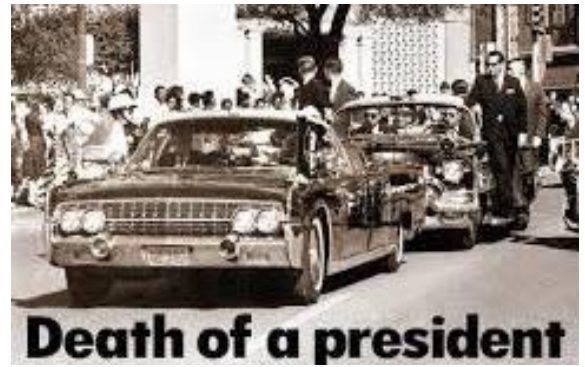


Chúng tôi lái xe vào khu trung tâm thành phố. Những cao ốc chọc trời san sát vươn lên trời cao. Sau khi đi một vòng khu trung tâm thành phố, tôi nhận ra ngay Dallas có nhiều người Việt Nam sinh sống. Nhìn những khu thương mại của người Việt buôn bán sầm uất ta cũng có thể đoán được phần nào sự thành công về mặt kinh tế của “thuyền nhân” ta. Khác với San Jose ở miền Bắc và Los Angeles ở miền Nam California, các khu chợ Việt Nam ở đây thường nằm rải rác chứ không tập trung thành một khu đông đảo. Những mặt hàng hay sinh hoạt thì đâu cũng giống nhau, có khác chăng là cái bề thế của nó. Đó

là cái nhìn thoáng qua của một du khách, một người “cưỡi ngựa xem hoa” như tôi. Chúng tôi có dịp tới một khu thương mại Việt Nam nằm hơi xa trung tâm thành phố một tý mang tên Bến Thành Plaza, khá khàng trang với kiến trúc bên ngoài trông như một ngôi chùa lớn, để ăn trưa dù bữa ăn có hơi sớm hơn so với thường lệ.

Sau bữa ăn trưa, chúng tôi trở lại khu trung tâm thành phố Dallas để đến thăm “khu di tích lịch sử” nơi Tổng thống John F. Kennedy bị ám sát ngày 22 tháng 11 năm 1963. Tại đây, tôi tưởng như được chứng kiến tận mắt hình ảnh vị Tổng thống Hoa Kỳ này ngồi trên xe mui trần và đang được dân chúng hai bên đường hoan hô nồng nhiệt thì bỗng nhiên ông bị bắn gục ngay trên cánh tay người vợ khi chiếc xe của ông vừa đi vào

đúng tầm ngắm của tên sát nhân bắn từ cửa sổ của căn building màu gạch đỏ đằng kia, cách đó không xa. Từ nơi cửa sổ ấy, một viên đạn oan nghiệt đã chấm dứt cuộc đời một vị Tổng thống can đảm và đầy quyền uy của một siêu cường quốc mà quyền uy ấy có thể khuynh đảo cả thế giới, trong đó có Việt Nam ta, một đất nước gánh chịu ảnh hưởng trực tiếp không nhỏ gây nên bởi viên đạn đó. Tôi chợt thở dài. Một giai đoạn lịch sử trôi qua đã lâu nhưng người dân Dallas vẫn còn cảm thấy có cái gì chua xót và đáng xấu hổ vì biến cố đó đã xảy ra ngay trên thành phố họ. Tôi không có cái cảm giác chua xót ấy, tôi có nhìn lại đi chẳng nữa thì cũng chỉ coi biến cố này như mọi dòng lịch sử khác đang tiếp tục trôi chảy đến vô cùng.



Bò sừng dài (longhorns)

Sau đó, chúng tôi đi bộ đến một công viên nhỏ cách “khu di tích lịch sử” không xa. Một đàn bò “sừng dài” độ ba mươi con, với kích thước như thật, bằng đồng, được dựng trên miếng đất trống trong công viên. Tôi chụp vài tấm ảnh với đàn bò rồi tiếp tục đi bộ lang thang thêm vài khu phố buôn bán sang trọng thuộc cùng khu vực.



Chúng tôi lại lên xe, theo chỉ dẫn trên bản đồ, đến “Bảo tàng viện nghệ thuật” (The Dallas Museum of Art). Đây là một tòa nhà lớn có kiểu kiến trúc tân kỳ chứ không giống như những nhà triển lãm hay bảo tàng viện cổ kính ở Châu Âu. Bên trong nhà triển lãm được trưng bày nhiều tác phẩm hội họa và điêu khắc “hiện đại” (modern art) rất mới, rất sáng tạo, rất lạ lùng, đã đánh mạnh vào



cảm xúc một cách hoàn toàn mới lạ cho người thường ngoạn. Có khi tưởng như thật đơn giản thôi, nhưng nó vẫn không kém phần sinh động, đó chính là cái hay mà cá nhân tôi cảm nhận được từ những tác phẩm nghệ thuật ở đây. Cái cảm nhận ấy hoàn toàn khác với những cảm nhận tôi có được từ những bảo tàng viện tôi đã có dịp đi thăm ở vài nước bên Á châu, Âu châu, Trung Đông hay Nam Mỹ. Tôi tự hỏi, nghệ thuật của người Mỹ, nói thu hẹp ở đây, qua những tác phẩm này, có phải chẳng là biểu hiện cho một nền nghệ thuật trẻ trung của một dân tộc trẻ trung đầy sức sống và đầy sáng tạo, hay đúng ra, đó là nghệ thuật của một kỹ nguyên high-tech? Và cũng phải chăng, nói

chung, những tác phẩm nghệ thuật luôn luôn phản ánh những suy tư, nhận thức của thời đại mà chúng đã được tạo ra?

Rời bảo tàng viện, chúng tôi tiếp tục đi thăm vài nơi khác nữa, và đã có dịp thưởng thức món gà rán “fried chicken” tại một tiệm chỉ bán một món ăn duy nhất này. Tiệm ăn có từ năm 1898, tất nhiên là rất đông khách dù nhà hàng có tới vài chục bàn mà chúng tôi vẫn phải đứng bên ngoài chờ đến lượt. Một điều lạ, thực khách có thể đem món gà ăn dư về chứ không được mang nước “sauce” của họ ra khỏi tiệm. Vào nhà hàng Mỹ, dù thức ăn ngon dở thế nào, cách phục vụ thì không thể chê được.



Nói đến Dallas không thể không nhắc sơ qua một chút tới tên đội banh “bầu dục” (football) “Dallas Cowboys” nổi tiếng. Chúng tôi có cơ hội đến thăm sân chơi của đội “Cowboys”, sân đó mang tên “AT&T Stadium”, phải mất 3 năm xây cất, từ 2006 đến 2009. Trong ba năm đó, năm đầu tiên chỉ để đào sâu xuống lòng đất so với mặt đường, đó chính là “lòng chảo” sân chơi và khán đài. Chúng tôi được hướng dẫn viên của Stadium dẫn đi một “tour” thăm thú và phải mất 2 giờ đồng hồ lộn bộ mới hết những phần chính. Chiếc TV tại stadium, hiện nay được đánh giá là lớn nhất thế giới. Giá vé “tour” là 30\$ cho một người lớn.

Dallas đã lên đèn. Chúng tôi đến khách sạn Hyatt, một khách sạn tọa lạc tại trung tâm thành phố Dallas, khá sang trọng. Ngay gần khách sạn có một tháp (tower) rất cao, mang tên Reunion Tower. Trên đỉnh tháp là nhà hàng ăn (restaurant) được bao bọc bởi “lồng hình cầu” gắn đèn màu, ta có thể nhìn thấy nó từ xa vào ban đêm. Nhà hàng quay 360 độ quanh trục thẳng đứng của tháp. Từ nhà hàng quay, ta có thể quan sát được một phần lớn vòng quanh thành phố. Vừa ngồi ăn vừa được nhìn ngắm thành phố rực rỡ ánh đèn tỏa rộng bốn phương phía dưới, thật thú vị làm sao. Tôi nhớ lại, có những lần tôi cũng được hưởng cái thú ngắm nhìn thành phố rực ánh đèn dưới chân từ những tháp tương tự như ở thành phố San Francisco (CA), tháp Space Needle Tower ở thành phố Seattle (WA) thuộc Mỹ; tháp CN Tower ở thành phố Toronto, tháp Lookout Tower ở thành phố Vancouver, cả hai thuộc Canada; tháp Oriental Pearl Tower ở thành phố Thượng Hải thuộc Trung Quốc; tháp Sky Tower ở thành phố Auckland thuộc New Zealand.

Thiền viện Quang Chiếu



Sáng sớm hôm sau, sau khi ăn điểm tâm ở khách sạn, chúng tôi lại lên xe thẳng tiến về thành phố Fort Worth cách trung tâm Dallas khoảng 45 phút lái xe để đến thăm một thiền viện Phật giáo. “**Thiền viện Quang Chiếu**” tọa lạc trên một ngọn đồi thấp, do một ni sư thuộc Thiền phái Trúc Lâm xây dựng và trụ trì được trên 20 năm nay. Ta cũng nên nhớ Thiền phái Trúc Lâm được khai sáng bởi vua Trần Nhân Tông. Sau khi đánh tan quân Mông Cổ vào thế kỷ 13, ngài đã từ bỏ ngôi vua rồi lên núi Yên Tử tu hành và lập nên thiền phái này.

Thiền viện Quang Chiếu có kiến trúc Đông phương rất uy nghi và thoát tục. Trong khuôn viên có hồ sen, núi non bộ và rất nhiều cây cối trông như một khu rừng nhỏ. Ngoài chính điện ra còn có một số nhà nhỏ dành cho các ni sư ở. Được nghe, vào những ngày lễ Phật đản, Vu lan, Tết Nguyên đán... hay những buổi thuyết pháp đặc biệt, Thiền viện thu hút rất đông đảo người đến tham dự. Chúng tôi đi quanh chùa thưởng ngoạn, hưởng cảnh yên tĩnh, vào chính điện lễ Phật rồi ra xe.

Trên đường hướng về thành phố San Antonio

Vừa rời Thiền viện Quang Chiếu, chúng tôi thẳng tiến về thành phố San Antonio. Trên đường, để đánh tan cái không khí buồn tẻ vì cảnh vật bên đường chỉ là những vùng đất phẳng trải rộng, Triều kể cho tôi nghe một vài chi tiết về lịch sử của nhóm người Mỹ di dân đầu tiên đến định cư trên đất Texas. Texas là tiểu bang có diện tích lớn thứ nhì của nước Mỹ, sau Alaska, rộng 267,277 dặm vuông (square miles) (khoảng 692,242 cây số vuông), tương đương với diện tích của hầu hết các nước Tây Âu hợp lại. Dân số ngày nay lên tới gần 30 triệu người (năm 2020) đứng hàng thứ nhì của cả nước, sau California (khoảng 40 triệu người).

Ngược dòng lịch sử, vào năm 1820, Moses Austin, kỹ sư mỏ, rất thích thú với vùng đất mới Texas dù lúc đó còn thuộc Mễ Tây Cơ (Mexico). Ông đã xin chính quyền Mễ cho phép 300 gia đình đến định cư ở đây. Một năm sau, Moses Austin mất, con trai của ông là Stephen Fuller Austin thay cha tiếp tục hoàn tất công việc định cư này. Sự thành công của nhóm di dân đầu tiên đã lôi kéo theo số người định cư mới lên tới 30 nghìn người. Trong khi đó, suốt 300 năm cai trị của Tây Ban Nha (Spain) và sau là Mễ Tây Cơ, số người Mễ định cư ở đây chỉ vồn vẹn có 3.000 người. Chính quyền Mễ nhận thấy số người định cư đông đảo này có thể sẽ tạo nên những vấn đề rắc rối về sau nên đã tìm cách giới hạn sự di dân bằng những luật định mới đầy khắt khe và bất công như truy thu thuế một số kinh doanh đã không bị đánh thuế từ lâu, người định cư phải là người Thiên Chúa giáo và không được nuôi người nô lệ ... vậy mà trong khi đó đa số người đến định cư lại từ những vùng miền Nam nước Mỹ nên thường đem theo nô lệ của họ. Những nhóm di dân nhận thấy có nhiều bất công trong luật lệ mới của chính quyền Mễ nên họ phản ứng lại bằng cách cùng nhau đồng lòng tuyên bố mảnh đất họ đang định cư trở thành vùng “đất tự trị” nhưng không phải là một quốc gia độc lập mà vẫn nằm trong sự cai trị của chính quyền Mễ Tây Cơ.

Chính quyền Mễ đáp lại bằng cách gửi quân đội sang để dễ bề kiểm soát và khống chế đám di dân, và bắt buộc họ phải tuân thủ việc thi hành những luật lệ do chính phủ vừa mới ban ra. Cuối cùng chiến tranh giữa những người Mỹ định cư ở Texas và chính quyền Mễ đã bùng phát. Trận chiến đầy bi hùng và nổi tiếng trong lịch sử của Texas là trận "Battle of the Alamo" diễn ra ở San Antonio đã làm 187 dân quân (rebel) Mỹ bị hy



sinh, không một người sống sót. Trong số những anh hùng hy sinh trong trận chiến này phải kể đến một người mang tên **Davy Crockett**, người thợ săn nổi tiếng đã từ tiểu bang Tennessee đến Texas. Davy đã cùng dân quân chống lại quân đội Mễ một cách quyết liệt.

Tôi thấy buồn ngủ trước câu chuyện kể, vì dẫu sao, nay tôi cũng đã là một công dân trong số những dòng người di dân tiếp tục chảy liên tục vào xứ sở này. Tôi còn nhớ tổng thống Hoa Kỳ Jimmy Carter đã tuyên bố với đại ý: xứ sở Hoa Kỳ đã được tạo nên và phát triển bởi **“những người di dân khôn ngoan đầy can đảm”**.

Nhóm “thuyền nhân”, nói chung là người Việt Nam tị nạn chúng ta định cư tại Mỹ, đã hội đủ những điều kiện của lời phát biểu trên và có quyền hãnh diện về sự đóng góp của mình trong suốt 45 năm qua vào sự phồn vinh của đất nước chúng ta mới hội nhập.

Tôi đang miên man suy nghĩ về thành quả của người Việt trên đất Mỹ thì Triều ghé vào “rest area” để mọi người nghỉ ngơi sau đoạn đường dài tới mấy tiếng lái xe. Nơi nghỉ ngơi là khu đất cỏ xanh tươi khá rộng, có bóng mát của vài cây cổ thụ và không xa đó là những nhà vệ sinh thoáng sạch. Khu nghỉ ngơi còn có những máy vending machine để mọi người có thể mua nước giải khát, kẹo hoặc chip. Vài con ngỗng to thấy chúng tôi, vội rề rà lạch bạch tới gần, gật gật cái cổ dài xin ăn.

Thủ phủ Austin Tòa nhà quốc hội



Sau khi mọi người “nghỉ ngơi” thoải mái xong, chúng tôi lại lên xe tiếp tục cuộc hành trình đi San Antonio. Chẳng bao lâu, chúng tôi đi ngang qua thủ phủ Austin. Austin cũng khá to, không những đó là thành phố hành chính, có những trường đại học lớn nổi tiếng, mà còn là thành phố kinh tế đang phát triển không kém gì Dallas. Austin có tòa nhà Quốc hội tiểu bang lớn nhất so với những tiểu bang khác trên toàn quốc. Tòa nhà này được xây bên bờ sông Colorado River. Chúng tôi dừng xe chụp vài tấm hình kỷ niệm. Giao thông trong thành phố tuy đông đúc nhưng cũng thưa dần khi xe vừa ra khỏi vùng ngoại ô.

Thành phố San Antonio

Triều ngưng nói chuyện với tôi vì càng tiến gần vào trung tâm thành phố, số lượng xe cộ càng tăng dần lên một cách nhanh chóng. San Antonio là một trong những thành phố du lịch nổi tiếng của Texas nên đường sá sạch sẽ, mọi khu phố buôn bán được trưng bày một cách mỹ thuật và ngăn nắp. Người đi bộ rất đông đảo và trật tự, có lẽ phần đông là du khách, càng lúc càng trở nên đông đúc hơn khi tiến gần vào khu **“di tích lịch sử Alamo”** hay những khu thắng cảnh nên thơ chạy dọc theo bờ sông nhỏ nổi tiếng với cái tên River Walk gần đây. Chúng tôi tìm chỗ đậu xe, tạt vào nhà hàng Mc Donald ăn lót bụng rồi sau đó tới thẳng khu vực thành Alamo.

Thành Alamo



Thành Alamo tọa lạc trên một khu đất rộng. Đó chính là nhà thờ có kiến trúc Tây Ban Nha (Spanish church) do dân quân Texas năm xưa chiếm giữ làm thành trì. Ngày nay, nó vẫn còn giữ được hình dáng nguyên thủy của ngày mới xây. Du khách xen lẫn với đám người bán hàng lưu niệm trước cửa thành. Kê rao người bán ồn ào cả một khu phố, đa số là người gốc Mễ. Du khách chụp hình quay phim vội vã tuần tự xếp hàng bước vào trong thành. Khi chúng tôi vào bên trong, kiến trúc các phòng ốc của nhà thờ vẫn còn giữ nguyên vẹn, có phòng dùng làm nơi chiếu phim giới thiệu trận đánh, phim dài khoảng

15 phút. Có vài phòng trưng bày hình ảnh cuộc chiến đấu cùng với chân dung của những vị sĩ quan và dân quân trong thành.

Càng đi sâu vào bên trong, lòng nhà thờ càng được mở rộng ra. Băng qua cái sân rộng, tới gian nhà ngang, ở đó là “viện bảo tàng” trưng bày các loại vũ khí được sử dụng trong trận đánh gồm cả vật dụng cá nhân. Có cả dao găm và khẩu súng trường của Davy Crockett được để trong tủ kính trưng bày ở đây. Nhiều thứ đáng xem và đáng ghi nhớ lắm. Tôi bị xúc động khi nghe những lời giảng giải của hướng dẫn viên “bảo tàng” mô tả lại trận đánh một cách tỉ mỉ.

Tôi đứng lặng trong vườn nhà thờ, quan sát mọi cảnh vật chung quanh và cố gắng hình dung lại diễn tiến trận đánh mà tôi vừa được nghe qua. Mỗi nơi, từ chân cột đến góc nhà, từ bức tường nhỏ đến bồn hoa đều hiện lên hình ảnh của dân quân anh hùng đang chiến đấu anh dũng đến giọt máu cuối cùng. Tôi đứng khá lâu chiêm ngưỡng hình ảnh và tưởng nhớ đến những chiến sĩ đã ngã xuống để mang lại sự sinh tồn, phát triển và phồn vinh cho thế hệ đi sau. Bất cứ thời đại nào và bất cứ ở đâu, sự hy sinh của những người yêu nước đều đáng được tôn vinh.

Nhân vật Davy Crockett



Davy Crockett

Câu chuyện về trận đánh ở thành Alamo, nhân vật Davy Crockett đã trở thành huyền thoại. Davy Crockett có dáng người cao to, thông minh và can đảm. Davy là tay săn bắn nổi tiếng, có suy nghĩ độc lập và thích hành động lẻ loi một mình. Chính vì cá tính mạnh mẽ này, Davy hay tìm nơi sinh sống ở những vùng hoang vu tiến xa về miền Tây hẻo lánh. Nếu số người theo chân ông tới định cư trở nên đông đúc thì ông lại từ bỏ nơi ấy, tiến xa hơn nữa về miền Tây để tìm vùng đất mới. Vào thời đó, người như Davy Crockett không hiếm và chính họ đã góp công vào việc mở mang bờ cõi Hoa Kỳ. Mỗi người hay mỗi nhóm đều có một cách khai phá riêng biệt của mình tùy theo hoàn cảnh để ngày nay biên giới phía Tây của Hoa Kỳ đã lan tới tận miền Viễn Tây, và dừng lại trên bờ biển Thái Bình Dương.

Davy Crockett sinh ngày 17 tháng 8 năm 1786 ở Tennessee. Tới thời kỳ chiến tranh 1812-1814 (cuộc chiến giữa người Mỹ và người Anh, người Anh đã tiến quân vào thủ đô Washington D.C đốt phá tòa nhà Quốc hội Capitol Hill, tòa Bạch ốc, và sau đó quân Anh bị tướng Andrew Jackson đánh bại ở New Orleans(1)), Davy đã trở thành xạ thủ súng trường nổi tiếng. Ông đóng vai trò người dẫn đường (hướng đạo) cho tướng Andrew Jackson (sau này là tổng thống Mỹ) chống lại người da đỏ thuộc bộ lạc Creek Indians. Sau chiến tranh Anh-Mỹ, ông và gia đình lại di chuyển về miền Tây lần thứ ba, nơi đất mới nằm ở phía tây Tennessee, bên bờ sông Obion River, chưa có chính quyền địa phương. Người hàng xóm gần nhất ở cách xa ông 7 dặm (11 cây số) và người hàng xóm kế tiếp cách xa 15 dặm (24 cây số). Cái thích thú nhất đối với Davy Crockett là ở nơi đây có rất nhiều thú hoang sống trong rừng. Những người chuyên chở hàng hóa trên sông Mississippi thường hay ghé thăm vì họ coi ông là một người săn gấu nổi tiếng thời bấy giờ.

Những câu chuyện được thêu dệt và vang xa đến nỗi mỗi khi ở bất cứ nơi đâu, nếu nơi đó chính quyền địa phương được thành lập thì dân chúng bầu ngay ông vào làm đại diện cho họ. Sau cùng ông vào Quốc hội liên bang ở Washington để đại diện cho vùng tây Tennessee. Bản chất không phải là chính trị gia, nhưng ông lại rất thích thú với công việc được dân giao cho. Tuy nhiên, người ta vẫn chỉ thường nói đến Davy Crockett như một người săn gấu tài ba hơn là một nhà chính trị.

Đến năm 1834, Davy Crockett ra ứng cử vào Quốc hội liên bang lần thứ hai nhưng bị thất bại. Sự thất bại này đã khiến ông chán nản vì tự cho mình đã làm quá nhiều việc trong vai trò dân biểu trước đó. Dân Tennessee không tín nhiệm nữa thì lại bỏ đi, và với ý tưởng đó, ông đã rời Tennessee để tới Texas dù biết nơi đây có thể sẽ xảy ra chiến tranh với người Mễ Tây Cơ. Trong chuyến đi Texas, ông được dân chúng đón tiếp một cách nồng nhiệt tại những thành phố mà ông đã đi qua trên chặng đường di chuyển. Khi tới San Antonio, ông định cư ở phần đất phía nam thành phố, và liền thiết lập ngay một đội ngũ gồm những người dẫn đường (scout) với mục đích khám phá sâu thêm vào những vùng đất mới.



Tình hình San Antonio lúc này đã thay đổi nhanh chóng. Hai nghìn (2000) quân tiền phương của Mỹ Tây Cơ đang tiến về San Antonio dưới sự điều quân của tướng **Antonio López de Santa Ana**. Khi Davy Crockett cùng anh em đồng đội đang đi thám hiểm thì phát giác ra sự di chuyển của quân đội Mỹ chỉ còn cách San Antonio có 20 dặm. Davy cùng đồng đội vội chạy ngược về để báo tin khẩn cấp. Những dân quân Texas đóng tại nhà thờ cổ Alamo của người Tây Ban Nha để lại, đã được dùng làm pháo thủ gồm 150 người. Số người tự nguyện tham gia trong ngày hôm sau và sau đó, quân số đã tăng lên được 187 người. Trong khi chờ đợi sự tấn công của quân đội Mỹ, một cuộc họp được diễn ra để hỏi ý kiến toàn thể mọi người nên rút lui hay chiến đấu. Kết quả là mọi người đồng tâm quyết chiến đấu đến cùng, không ai muốn thoát

thân dù lúc này vẫn còn cơ hội. Đây là trận chiến đầu tiên của người Texas chống lại chính quyền Mỹ Tây Cơ. Dân quân trong thành Alamo hy vọng nếu chiến đấu cầm chân quân Mỹ được ít ngày thì hy vọng sẽ có quân tiếp viện.

Trận chiến tại Thành Alamo như đang diễn ra trước mắt tôi theo từng lời kể của “hướng dẫn viên” trước đó và với những “tài liệu lịch sử” được cung cấp ở đây.

Trận chiến Alamo



Ngày 24 tháng 2 năm 1836, một tối hậu thư với lời lẽ thật lịch sự được gửi cho Travis, vị chỉ huy trưởng thành Alamo, đại ý nói nếu quân trong thành không chịu đầu hàng thì sẽ bị pháo binh Mỹ làm nổ tan thành ra từng mảnh nhỏ. Câu trả lời vắn tắt của Travis là "không đầu hàng". Lập tức pháo binh của quân đội Mỹ được nã vào tới tấp. Nhờ bức tường dày, nhờ những tay súng sẵn thiện xạ, nhờ lòng dũng cảm, dân quân trong thành đã đẩy lui được nhiều đợt tấn công của quân địch và làm cho địch quân buộc phải rút lui lại phía sau. Cuộc tấn công vũ bão khởi đầu của quân Mỹ được coi là thất bại. Không may, Travis bị bệnh, phụ

tá của ông là Jim Bowie lên thay thế, sau đó cũng bị bệnh, Davy Crockett được đề nghị lên thay để chỉ huy trận đánh. Davy Crockett đã từ chối đề nghị này và nói *“Điều đó thật không cần thiết, mọi người đang chiến đấu một cách kiên cường, tôi sẽ di chuyển tới những chỗ cần thiết để tiếp sức với anh em”*.

Cầm cự được tới ngày thứ mười thì tình hình trong thành trở nên bi đát. Dân quân bị mất ngủ vì quân Mỹ tấn công gần như liên tục. Ở trong thành, đạn dược đã cạn, nhiều người chết và bị thương, lời kêu gọi cầu cứu đã được gửi đi khắp nơi nhưng không có hồi âm. Ở ngoài thành, tướng Santa Ana chuẩn bị cho một cuộc tấn công dứt điểm. Cơ hội thoát thân vẫn còn, nhưng mọi chiến binh đều từ chối khi được hỏi, không một ai muốn rời bỏ cuộc chiến đấu này.

Buổi xế trưa ngày mùng 5 tháng 3, trận chiến chậm lại và dứt hẳn. Nhưng tới đêm hôm đó, những chiến binh trong thành nghe thấy đối phương bên ngoài đang chuẩn bị cho cuộc tấn công quy mô đã sẵn sàng. Rồi lệnh tấn công thét vang, từng đoàn quân, ngựa, súng canon lao tới trước cửa thành. Hàng loạt súng lớn nhỏ khai hỏa, toán quân tấn công dưới sự yểm trợ bởi hàng loạt đạn bắn liên tục vào thành. Hàng chục chiếc thang được đem tới, và hàng trăm quân Mỹ leo lên cố vượt qua những bức tường cao để xâm nhập vào thành. Tốp này bị bắn ngã xuống, tốp khác lại tức khắc leo lên. Tiếng reo hò tấn công, tiếng ngựa hí, tiếng súng nổ vang trời đang uy hiếp tinh thần chiến đấu của chiến binh trong thành, nhưng họ đã không nao núng, quyết chiến đấu tới cùng, không một ai bỏ chạy. Cửa thành chính đã bị phá thủng. Quân Mỹ tràn vào như thác đổ, đồng thời quân địch cũng đã vượt qua được những bức tường thành. Các chiến binh bị đẩy lui dần vào phía trong nhà thờ. Trong hoàn cảnh này, súng ống đã trở nên vô dụng, các dân quân phải đánh cận chiến với quân thù bằng lưỡi lê, kiếm hay dao găm. Từng chiến binh ngã xuống và bị dồn dần vào phía sân sau nhà thờ. Davy Crockett đã chiến đấu can trường trong tuyệt vọng và sau cùng ông cũng phải ngã quy cùng với đồng đội của ông. Ông chết đi, cuộc tấn công cũng chấm dứt. Cái chết của ông và những dân quân giữ thành Alamo được nhân dân Texas tôn vinh như những anh hùng trong lịch sử Hoa Kỳ. Cuộc chiến đấu kéo dài đúng 13 ngày đêm.

Ngày hôm sau, quân Mễ cho hỏa thiêu những chiến binh Texas tử trận ở đây. Có một điều, nếu quân đội Mễ chậm tấn công khoảng 12 ngày thì tình hình trận chiến ở thành Alamo có thể đã thay đổi hẳn vì lúc đó “Chính quyền lâm thời” của Texas vừa được thành lập để đối phó với tình thế mới. Và cũng có thể đã cho phép chính phủ có đủ thời gian thành lập ngay một lực lượng quân đội để chống lại với quân Mễ tại Alamo. Vài tháng sau, chính lực lượng quân đội của Texas mới thiết lập này do tướng Sam Houston cầm đầu đã đánh bại quân đội Mễ và chính tướng Santa Ana đã bị bắt cầm tù.

Tôi rời khỏi thành Alamo với tâm trạng buồn ngùi thương xót cho những người đã trải thân mình cho sự tồn vong của mảnh đất Texas mà nhiều người di dân ban đầu đã từng bỏ công khai phá và xây dựng nên nó. Đó là sự hy sinh cao cả mà toàn dân Hoa Kỳ ngày nay không thể quên. Tôi cũng thấy buồn ngùi cho những quân nhân Mễ Tây Cơ đã nằm xuống để bảo vệ sự vẹn toàn lãnh thổ của quê hương mình.

(Xin xem tiếp phần 2)

Texas Du Ký - 2

Nguyễn Giụ Hùng

River Walk

Chúng tôi đi bộ tới khu River Walk, nơi đây có khúc sông nằm sâu xuống dưới lòng đất so với mặt đường thành phố. Khu này được chính quyền thành phố San Antonio khai thác như một thắng cảnh du lịch. Con sông nhỏ thôi, với chiều ngang của nó có chỗ chỉ đủ cho hai chiếc thuyền "tam bản" nhỏ chờ chừng mười du khách chạy ngược chiều nhau. Dòng nước chảy thật êm đềm nên ta có thể coi nó như một con suối hơn là một dòng sông. Hai bên bờ sông là các quán cà phê, cửa hàng bán đồ lưu niệm, nhà hàng ăn và khách sạn nhỏ. Khung cảnh nơi đây thật nên thơ và tình tứ. Ta có thể tản bộ bên bờ sông (như với cái tên River Walk) một đoạn dài khoảng đôi ba dặm dưới tàn cây rợp bóng mát của hàng cây cổ thụ. Ta cũng có thể ngồi nhâm nhi tách cà phê bên vỉa hè, hay ven bờ sông như ta thường thấy ở Châu Âu để nhìn người qua lại; thả hồn mình theo tiếng mái chèo khua nước của vài chiếc thuyền "tam bản" xen lẫn trong tiếng nhạc êm dịu từ nhà hàng vọng ra; ngắm nhìn bóng tàn cây to vươn ra sông soi bóng lung linh trên mặt nước dưới ánh nắng xuyên cành. Bắc ngang qua sông là vài chiếc cầu gạch được xây theo kiến trúc cổ. Du khách có thể đứng trên cầu soi bóng mình trên mặt nước trong đang êm đềm chảy phía dưới.

Chúng tôi đi bộ không biết mệt trên con đường lát gạch chạy dọc theo sát bên bờ sông. Có một vài khu nhà nhỏ xen kẽ vào khu buôn bán được xây theo kiến trúc nhà để ở thật xinh xắn và trang trí bên ngoài cũng mỹ thuật là bao. Tôi lần lần tự hỏi những ngôi nhà ấy được xây lên, thật sự để ở hay chỉ để làm đẹp, làm "duyên" với du khách, hay chỉ để mang sắc thái đa dạng cho khu du lịch này. Chúng tôi chụp vài tấm ảnh kỷ niệm tại một vườn hoa con con xinh xắn nên thơ. Tôi tưởng tượng, vào những buổi chiều tối, ánh đèn điện vàng hai bên bờ sông hắt xuống mặt nước sẽ làm cho dòng sông trở nên thơ mộng và huyền ảo làm sao; hay vào những hôm trời mưa nhẹ, dòng sông như được phủ lớp sương mờ, và tưởng như đâu đó vang vọng vài làn điệu dân ca "câu hò mái đẩy" sẽ làm tôi thương nhớ quê hương mình biết chừng nào.

Thưởng thức những món ăn của người Mỹ

Khu nhà hàng ăn Mỹ tại Historic Market Square

Chúng tôi rời khu River Walk trong niềm tiếc để đến khu ăn uống "người Mỹ". Sinh hoạt ở đây thật ồn ào náo nhiệt. Tiếng nhạc Mỹ vui nhộn, sinh động ủa đến từ khắp nơi, khắp ngõ làm chân tôi cũng như muốn nhún nhảy theo trên từng bước đi. Có dãy nhà hàng hai tầng lầu, kiến trúc theo kiểu Pháp với trang trí giống hệt như ở khu French Quarter thuộc thành phố New Orleans (Louisiana) làm tôi ngạc nhiên.

Chúng tôi chưa biết chọn nhà hàng nào, bỗng Triều bám vào tay tôi ra dấu, đồng thời kéo tôi về phía có hai cô chiêu đãi viên người Mỹ xinh xắn, mặc y phục cổ truyền sặc sỡ đang thò ngoài cửa mời chào. Tôi theo chân Triều ngay. Nhà tôi và cô em theo phía sau cùng nói "Biết ngay mà!". Bên trong nhà hàng được trang trí đầy màu sắc rực rỡ, thực khách khá đông và tất nhiên là rất ồn ào theo đúng truyền thống Mỹ. Triều biết nói bập bẹ ít tiếng Mỹ nên được cả hai "nàng" chiếu cố một cách đặc biệt, còn tôi ra rìa. Chúng tôi chụp hình lưu niệm với hai cô.

Hai "ả" sung sướng ra mặt, khúc khích cười tít cả mắt nhưng không quên thỉnh

thoảng liếc nhìn ông chủ lấy điếm. Tới khi tôi đứng lên trả tiền và cho tiền “tip”, hai cô mới dành cho tôi sự “ân sủng”, ân cần vớt vát, muộn màng.

Sau khi ăn uống no say, chúng tôi vội lên xe đi Houston cho kịp vì vợ chồng cô em thứ năm nhà tôi, sinh sống ở Houston từ lâu, đang nóng lòng chờ đón chúng tôi. Trên đường đi Houston, hai bà ngồi ghế sau đã thiu thiu ngủ, chỉ còn tôi và Triều. Hai anh em tiếp tục nói chuyện với nhau.

Câu chuyện liên quan tới San Antonio

Triều cho tôi biết San Antonio còn dính dáng thêm một chút ít với lịch sử Hoa Kỳ trong thời kỳ chiến tranh giữa người Mỹ và Tây Ban Nha vào năm 1898 trên đất Cuba. Mỹ giúp Cuba giành lại độc lập từ tay người Tây Ban Nha. Cuộc chiến tranh giải phóng của Cuba thành công, trong đó có sự đóng góp của quân đội Mỹ và cũng nhờ một phần vào đội quân Rough Riders không giống ai do Theodore Roosevelt chiêu binh, gồm tập hợp toàn thành phần “hỗn tạp” mà đa số là những anh chàng cowboys Texas. Đội quân Rough Riders chưa bao giờ là chiến binh thật sự và cũng chưa bao giờ có thói quen sống chung với người khác. Theodore Roosevelt đã huấn luyện đoàn quân này ở San Antonio, sau đó được gửi sang Cuba chiến đấu bên cạnh quân đội Mỹ. Trong chiến đấu, họ tỏ ra can trường nhưng hỗn

tạp đã mang đến nhiều câu chuyện nực cười trong chiến trận. Họ đã tham gia vào

trận đánh quyết định và lừng danh trên ngọn đồi San Juan Hill gần thành phố

Santiago của Cuba. Sự đóng góp của đoàn quân do Theodore Roosevelt thành lập

đã đưa tên tuổi ông lên và đã đóng góp vào việc ông trở thành tổng thống Hoa Kỳ

sau này. Câu chuyện Triều kể còn dài, nhưng tôi chỉ lưu ý vào một điểm là đoàn

quân Rough Riders kỳ lạ vì tính chất hỗn tạp của nó đã được huấn luyện ở thành

phố San Antonio, nơi có biến cố lịch sử “thành Alamo” nổi tiếng.

Vài dòng lịch sử về Tiểu bang TEXAS

Tôi nhắc Triều kể cho nghe tiếp câu chuyện sau khi quân đội Mễ hạ được thành

Alamo một cách oanh liệt, Houston đã làm thế nào để chiến thắng đội quân này và

cầm tù được tướng Santa Ana mà hôm qua Triều đã tạm ngừng ở đó. Triều mỉm

cười cho biết sẽ kể cho tôi nghe về riêng cá nhân Houston trước khi trả lời câu hỏi

của tôi. Hiểu biết về Sam Houston thật là điều cần thiết nếu ta muốn biết tường tận trận chiến lý thú đó và lịch sử hình thành của tiểu bang Texas.

- Sam Houston

Sam Houston có một cá tính đặc biệt và một đời sống khác thường. Ông sinh đẻ ở Virginia nhưng theo gia đình di chuyển về tiểu bang Tennessee lúc còn là một cậu bé con. Ông không thích đến trường nhưng lại thích đọc sách nên có kiến thức rất rộng. Khi đủ tuổi trưởng thành ông gia nhập quân đội, trở thành sĩ quan theo đoàn quân của tướng Andrew Jackson đánh dẹp quân da đỏ Creek Indians. Houston giải ngũ, hành nghề luật sư ở Tennessee, bắt đầu tham gia chính

trường năm 30 tuổi và đắc cử dân biểu liên bang đại diện cho tiểu bang Tennessee trong quốc hội ở Washington D.C. và sau đó làm thống đốc tiểu bang Tennessee.

Ông có diện mạo cao khỏe, đặc biệt có nhiều điểm giống người bạn thân tức tổng thống Andrew Jackson rất năng động, có tài lời cuốn quần chúng. Người ta tin rằng ông có thể trở thành tổng thống tương lai của Hoa Kỳ.

Trước khi nhiệm kỳ thống đốc chấm dứt, đột nhiên Houston từ nhiệm không một lời giải thích, nhưng người ta tin rằng nguyên nhân là do sự cãi vã trong gia đình. Rồi Tennessee để đến Arkansas sống với bộ lạc da đỏ Cherokee Indians liên tục vài năm trong vai trò cố vấn, vì khi còn trẻ ông đã từng là bạn và là thành viên của bộ lạc này. Với y phục của người da đỏ, vài lần ông đã từng đến Washington

với tư cách đại diện chính thức cho bộ lạc Cherokee.

Năm 1833, Sam Houston đến Texas để thương lượng về một số vấn đề của

người da đỏ. Ông tỏ ra rất thích thú về vùng đất mới này và đã quyết định định cư

ở đây, để rồi bắt đầu vận động cho một Texas tự trị vì lúc này Texas còn thuộc Mĩ

Tây Cơ. Đó cũng là nguyện vọng chung của toàn thể di dân đã đến đây sinh sống,

nhưng chính quyền Mĩ Tây Cơ từ chối mọi đề nghị của dân Texas.

Mời nghe bản nhạc

APACHE

(Guitar instrumental)

<https://www.youtube.com/watch?v=paYGYTvsoAg>

- Chiến tranh với người Mĩ Tây Cơ

Antonio López de Santa Ana

Ta cũng nên biết, vào năm 1835, sau một năm giành được độc lập từ tay người

Tây Ban Nha, tướng Antonio López de Santa Ana tự nhận mình là “Napoleon của

miền Tây” đã trở thành tổng thống của Mĩ Tây Cơ. Santa Ana mang vài ngàn quân đi chinh phạt dân Texas. Cuộc tấn công đầu tiên diễn ra tại thành Alamo và 187

dân quân Texas đã bỏ mình trong trận chiến này, không một người sống sót (như

đã nói ở trên).

- Chuẩn bị cuộc chiến tranh tiếp theo.

Ảnh hưởng của trận đánh tại thành Alamo rất lớn. Chính quyền Texas vừa được thành lập sau cuộc họp ở thành phố Washington-on-the-Brazo ở vùng đông nam Texas. Dân số ở đây chỉ vỏn vẹn có từ 25 tới 30 người sinh sống và do đó chính quyền mới không giải quyết được gì cho thành Alamo. Chính quyền mới tuyên bố độc lập. Houston được giao trách nhiệm thống lĩnh quân đội (commander). Thật là buồn cười khi Houston nhận lãnh trách nhiệm này vì quân đội trong tay ông chỉ có năm ba người, trong đó có người bạn của ông được phong làm trung úy. Nhóm người này di chuyển ngay đến Gonzalez vì ở đây có 375 dân tình nguyện xin gia nhập quân đội đang chờ đợi ông ở bên bờ sông Guadalupe River. Họ chỉ là thường dân chưa được huấn luyện và chưa có kiến thức gì về quân sự. Ông đã đích thân huấn luyện gấp rút ngày đêm và tổ chức thành đội ngũ. Ông biết tướng Santa Ana thế nào cũng tới truy kích ông nên ông vừa huấn luyện vừa rút lui dần lên phía bắc. Và tướng Santa Ana cũng tiên đoán là Houston sẽ lui về phía bắc để được sự bảo vệ tại biên giới Hoa Kỳ. Ông cũng tin rằng, ông sẽ tiêu diệt được Houston và đem lại sự vẹn toàn lãnh thổ cho Mỹ Tây Cơ.

Sự rút lui liên tục của Houston đã làm binh sĩ và sĩ quan dưới quyền thất vọng. Họ đã tranh cãi với ông và muốn dừng quân lại để quyết một trận sống mái với quân thù, ít ra cũng gây được sự tin tưởng cho người dân Texas. Ông đã không nghe và nhất quyết tiến hành theo kế hoạch của mình.

Quân đội của Houston ngày càng đông thêm, một số người cũ bỏ đi thì một số mới được thay vào. Quân số nay đã tăng lên được 783 người. Súng ống và đạn dược đã được tiếp viện khá đầy đủ. Hai khẩu súng canon loại "6 pounds" (sức nặng của viên đạn) đã được nhân dân thành phố Cincinnati của tiểu bang Ohio tặng.

Ông tiếp tục huấn luyện binh sĩ không ngừng nghỉ. Nhiều sĩ quan dưới quyền than phiền là sự huấn luyện như thế là không cần thiết. Nhưng Houston biết rằng nếu binh sĩ của ông không được huấn luyện kỹ càng và chịu đựng gian khổ để có thể chiến đấu giỏi thì sẽ bị thua trận ngay vì lực lượng đôi bên quá chênh lệch, mặc dù Santa Ana đã phạm lỗi làm chủ quan, đã chia đoàn quân tinh nhuệ mấy ngàn người của mình ra làm 4 toán, mỗi toán đi một phía khác nhau. Lực lượng do Santa Ana chỉ huy nay còn 1600 người nhưng cũng đã nhiều gấp đôi so với con số chỉ có gần 800 người của Houston. Khi đối diện với một lực lượng chính quy đông đảo như thế của địch quân, chiến binh của ông phải biết tuân lệnh, phải biết chiến đấu tới người cuối cùng nếu cần.

- Trận chiến San Jacinto bắt đầu. Ngày 15 tháng 4 năm 1836, từ phía đông của sông Brazos River, bắt chợt Houston quay ngược về phía nam. Việc rút lui liên tục đã chấm dứt. Mọi người vui mừng vì đoàn quân nay đã đổi hướng và đang tiến về hướng trực diện với quân đội Santa Ana. Lúc này, vị trí đóng quân của Santa Ana, phía nam là vịnh Galveston Bay, phía đông là sông San Jacinto River, phía bắc là Buffalo Bayou hướng mà

quân đội Houston đang băng qua và tiến tới. Santa Ana đã rơi vào cái bẫy do chính ông ta tự chọn. Nếu ông ta muốn lui binh, chỉ còn một con đường duy nhất là dùng phà băng qua sông San Jacinto River, mà điều đó thật nguy hiểm hay có thể nói là không thể thực hiện được.

Sau khi vượt qua Buffalo Bayou, Houston triệu tập binh sĩ để ra huấn lệnh và trình bày kế hoạch tấn công. Ông hỏi có ai muốn rời khỏi trận đánh này không vì ông cho phép họ được chọn lựa trước khi lâm trận, nhưng mọi người đều quyết tâm ở lại chiến đấu. Binh sĩ ông cùng ông hô to “Hãy nhớ tới Alamo”, “Chiến thắng hay là chết”, “Không rút lui, không đầu hàng.”

Ngày ngày hôm sau, hai bên cùng dàn trận trên cánh đồng lớn phía bắc Galveston, không xa nơi đóng quân của mỗi bên. Santa Ana chỉ gửi một toán quân nhỏ ra trận để thăm dò lực lượng của Houston. Houston dùng súng ca-nông pháo kích vào toán quân này. Toán quân Mỹ rút lui, quân lính của Houston muốn đuổi theo nhưng Houston không cho phép, rút về trại. Suốt ngày hôm đó không có gì xảy ra, tối đến, mọi người không ngủ yên vì tin rằng trận đánh sẽ diễn ra trong đêm. Một đêm yên tĩnh trải qua, cũng không có chuyển biến gì. Sáng ngày hôm sau, Houston, khác với thường ngày, ông dậy trễ, yên lặng và bình thản. Ông dùng điếm tâm với một miếng bánh ngô khô, và suốt sáng hôm đó ngồi nghiên cứu bản

đồ hành quân. Theo kế hoạch, ông sẽ ra lệnh tấn công vào buổi xế trưa vì vào giờ

đó quân đội Mễ thường ngủ trưa.

Vào 3 giờ rưỡi trưa, ông ra lệnh tấn công. Đoàn quân tiến gần đến mục tiêu, hai

khẩu súng ca-nông khai hỏa vào phòng tuyến địch, quân Mễ bắn trả bằng súng

trường một cách mạnh mẽ. Quân của Houston được lệnh không bắn trả, từ từ tiến

quân cho tới khi có thể nhắm bắn quân địch chính xác từng phát một. Houston cưỡi

ngựa trắng đi đầu. Khi tới gần tầm bắn, Houston ra lệnh khai hỏa. Binh sĩ của ông

vừa bắn vừa chạy nhào tới quân địch để đánh cận chiến vừa hét to “Hãy nhớ tới Alamo! Hãy nhớ tới Alamo!”
Câu hét này đã đi vào lịch sử. Quân Mễ không kịp trở

tay và không quen đánh cận chiến nên cánh quân tiền vệ đã phải tháo lui, tiền

tuyến bị chọc thủng. Với lưỡi lê, dao găm, súng lục, quân đội của Houston tả xung

hữu đột dòn quân Mễ đến chỗ tan rã, vứt súng ống và chạy tứ tán trên cánh đồng

trống. Người chết, kẻ bị thương hay đầu hàng rất nhiều.

Nói về Santa Ana, ông ta đang ngủ trưa khi trận chiến bắt đầu. Với cặp mắt

chưa tỉnh ngủ hẳn, ông chỉ kịp mặc vội chiếc áo với cầu vai màu đỏ, chạy vội ra

khỏi lều bạt (tent). Mọi người chạy tán loạn, ông không còn chỉ huy được ai nữa và

ông vừa chột trông thấy viên tướng giỏi nhất của ông là Almont đã bại trận, đội

quân của ông ta bị đánh tan rã hoàn toàn. Santa Ana chỉ còn biết nhảy lên con ngựa

đen, cao lớn, phóng chạy thoát thân khỏi chiến trường càng sớm càng tốt.

Toàn bộ toán quân do tướng Santa Ana nay hoàn toàn bị đánh bại. Những quân

lính còn sống chạy tán loạn trên cánh đồng, nhiều người bị giết và nhiều người khác bị bắt làm tù binh. Sáng hôm sau, cách đây vài dặm, một người bé nhỏ, mặc chiếc áo nhà binh có cầu vai đỏ đang ngồi buồn bã bên dòng suối. Người đó chính là tướng Santa Ana. Ông ta đã bị bắt và được dẫn độ tới trước mặt Houston. Tất cả tù binh Mễ khi thấy viên tướng chỉ huy của mình thì đồng thanh hô to lên “Tổng thống muôn năm! Tổng thống muôn năm!”. Đúng vậy, Santa Ana là Tổng thống Mễ Tây Cơ và cũng kiêm nhiệm chức vụ thống lĩnh quân đội. Sau đó Santa Ana và toàn thể tù binh Mễ được thả ra với điều kiện được thỏa thuận trước tiên là tất cả phải trở về Mễ.

- Texas trở thành Tiểu bang của Hoa Kỳ

Cờ tiểu bang Texas

Trận chiến San Jacinto đã chiến thắng hoàn toàn và một nước Cộng hòa Texas

độc lập đã được thiết lập. Sự độc lập của Texas kéo dài từ 1836 tới 1845 và

Houston trở thành Tổng thống đầu tiên của nước Texas và Stephen Austin làm Bộ

trưởng Ngoại giao.

Sau đó, Texas trở thành tiểu bang thứ 28 của nước Mỹ. Houston được bầu vào

chức vụ Thượng nghị sĩ của Texas trong Quốc hội liên bang tại Washington trong

vòng 13 năm. Houston đã phục vụ đất nước trong suốt 50 năm. Ngày nay người Texas vinh danh ông như một anh hùng vĩ đại và là cha đẻ của nước Cộng hòa

Texas độc lập.

Sự xin gia nhập của nước Cộng hòa Texas để trở thành một tiểu bang của Hoa

Kỳ cũng không phải là chuyện đơn giản. Trở lại năm 1836, dân Texas chưa dứt

khoát được sự lựa chọn đường hướng chính trị và ngoại giao của mình. Quốc hội

Texas chia làm hai phe, một phe muốn Texas trở thành một nước độc lập nhưng

liên minh với Hoa Kỳ thay vì Âu Châu; một phe trong đó có Houston muốn trở

thành tiểu bang của Hoa Kỳ, vì như vậy Texas có thể buôn bán với những tiểu

bang khác, mà lại được Hoa Kỳ bảo vệ. Cuối cùng Quốc hội Texas đồng thuận

muốn Texas trở thành tiểu bang của Hoa Kỳ. Nhưng Quốc hội Hoa Kỳ đã phải

tranh cãi nhiều năm mà vẫn chưa ngã ngũ ra sao. Hoa Kỳ chưa muốn nhận Texas

làm tiểu bang của mình vì ngại rằng nguy cơ chiến tranh với Mễ Tây Cơ sẽ xảy ra

và Texas hiện đang theo đuổi chính sách dùng nô lệ. Houston dọa sẽ liên minh với

Âu châu thay vì Hoa Kỳ. Lời dọa này khiến Quốc hội Hoa Kỳ phải đi đến quyết

định chấp nhận Texas trở thành tiểu bang của mình với điều kiện Texas phải tự

thanh toán hết những món nợ đang có, nhưng ngược lại đất đai của Texas phải

thuộc về người Texas chứ không thuộc về Hoa Kỳ. Người dân Texas đã sửa đổi

hiến pháp của mình vào ngày 4 tháng 7 năm 1845 và Quốc hội Texas đã biểu quyết

để trở thành tiểu bang của Hoa Kỳ. Và Hoa Kỳ ký quyết định Texas trở thành tiểu

bang của Hoa Kỳ ngày 29 tháng 12 năm 1845.

Tôi lắng nghe Triều kể. Tôi thấy Triều như có lúc sôi động hẳn lên nhất là khi tả lại trận chiến ác liệt giữa Houston và Santa Ana. Tôi cũng bị kích thích theo lời kể nên đã không ngủ gà ngủ gật như hai bà ngồi phía sau. Tôi cũng thầm cảm ơn Triều đã lái xe về đến thành phố Houston một cách an toàn.

Khi tới Houston, vợ chồng cô em thứ năm của nhà tôi đã chờ sẵn với mâm cơm thịnh soạn. Sau khi ăn uống, nói dăm ba câu chuyện thăm hỏi, chúng tôi đi ngủ sớm để còn đủ sức cho cuộc hành trình ngày mai đi Galveston.

Thành phố Galveston Trải qua một đêm tại Houston. Sáng hôm sau, khi tôi vừa tỉnh dậy, mọi việc đã chuẩn bị xong chỉ cần dứt bữa ăn sáng là chúng tôi có thể lên đường đi thăm thành phố Galveston ngay. Lái xe từ Houston đến Galveston không xa, chỉ khoảng hơn một tiếng đồng hồ.

Galveston là một địa danh nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam ở Texas vì ở đây có một đội ngũ đông đảo "thuyền nhân" ta đến lập nghiệp bằng nghề đánh cá từ những năm khởi đầu có cuộc định cư của người Việt trên đất Mỹ. Sự hội nhập và thành công của người Việt ở Galveston đã lôi kéo "ông bà bảo trợ" (sponsor) cho gia đình tôi từ trại tị nạn Kuku ở Nam Dương vào Mỹ. Có điều buồn cười là sự thành công của cộng đồng người Việt Nam ở Galveston lại không phải là sự thành công của ông bà bảo trợ người Mỹ của chúng tôi. Ông đã từng là manager của

hãng điện thoại Pacific Bell ở Shreveport, Louisiana; và cũng đã từng đứng ra bảo trợ cho trên mười gia đình Việt Nam từ trại tị nạn trong vùng Missouri lạnh lẽo về Shreveport vào mùa đông năm 1975; và cũng đã từng đưa họ vào làm việc trong hãng với ông. Mọi người Việt Nam ở đây vẫn nhớ ơn ông bà cho tới ngày nay và chúng tôi vẫn về thăm khi có dịp. Trong thời gian đó, có vài ba gia đình Việt Nam, đã bỏ việc ở Pacific Bell để di chuyển về Galveston làm nghề đánh cá. Sự thành công của các gia đình này đã làm ông bà bảo trợ của chúng tôi quyết định về hưu sớm trước vài năm, đồng thời bán nhà, sắm tàu bè, theo chân người Việt Nam đi Galveston đánh cá. Sau vài năm làm ăn thất bại, ông bà bán tàu, quay trở lại Shreveport mua một cái “trailer” (một loại “mobile home” nhỏ) rẻ tiền để ở. Có một hình ảnh thật trái ngược và trớ trêu là trước đó, hai ông bà bảo trợ ở nhà (house), còn đám tị nạn người Việt đều ở “trailer”. Sau khi đi “lập nghiệp” ở Galveston trở về lại Shreveport thì mọi người Việt đã đều ở nhà, còn ông bà lại ở “trailer”. Tôi thấy ông bà bảo trợ của tôi vẫn có đời sống yên vui và hạnh phúc, sung sướng với hoàn cảnh mới và xem ra còn coi sự thất bại đó làm một điều hãnh diện mỗi khi nhắc đến. Tinh thần lạc quan trong cuộc sống của người Mỹ như thế đấy, chúng tôi coi đó là một bài học tốt.

Chúng tôi đã tới Galveston. Hôm nay thời tiết thật đẹp, cái đẹp của tháng năm.

Trời không lạnh mà cũng không nóng, mây trắng bay trên bầu trời cao xanh biếc.

Ta cũng nên biết, vào những năm 1800, Galveston là thành phố lớn nhất của Texas. Vào năm 1900, Galveston bị một trận bão tàn phá với số người chết lên tới 6.000 người, một thiên tai khốc hại nhất thời bấy giờ. Sau đó, thành phố cho xây một bức tường dọc theo bờ biển để bảo vệ khỏi “sóng thần”. Bây giờ người ta có thể chạy bộ hay đi “skate” trên con đường chạy dọc theo bức tường đó.

Tại Galveston có nhiều thắng cảnh để xem. Đáng chú ý nhất là “Bảo tàng lịch sử” của thành phố. Ta cũng nên biết Galveston đã xảy ra hai trận chiến, một vào thời kỳ giao tranh của Texas với người Mỹ giữa Houston và Santa Ana như đã nói

ở trên và một là trận chiến đẫm máu trong thời kỳ Nam Bắc chiến tranh (1861-1865) đã diễn ra tại đây vào ngày tết Dương lịch năm 1863. Sự chiến thắng thuộc

về quân đội miền Bắc.

Chúng tôi đi phà (ferry) băng qua vịnh Galveston. Bên kia vịnh có một thành phố nhỏ, cổ kính vì nhà cửa được xây theo kiến trúc cũ, nhà nhỏ thôi nhưng rất xinh xắn, cửa hàng đâu đó ngăn nắp và đường xá thật sạch sẽ. Chúng tôi lang thang đến xế chiều mới đi phà quay trở về lại Galveston. Từng đàn chim hải âu trắng bay theo phà xin ăn. Gió biển thổi lồng lộng làm đàn chim có lúc như muốn chao đi, bay khựng lại và bị đẩy lùi về phía đuôi phà.

Chúng tôi may mắn thuê được căn “duplex” ngay trên bãi biển với “ocean view” thoáng mát để hưởng gió biển và sự êm đềm về đêm nằm nghe sóng vỗ. Bãi

biển Galveston không đẹp vì cát màu nâu sậm, trông như bùn.

Có một điều đáng được kể lại ở đây là chiều tối hôm đó, chúng tôi đang đi tản

bộ trên bãi biển không đèn thì bất chợt nhận ra, sau những đợt sóng đánh vào bờ,

mỗi khi rút ra đã để lại những con cua biển to bằng bàn tay bò lổm ngổm trên bãi

cát. Chúng tôi vội chạy về lấy thùng đựng đá (ice box) để đựng cua và cứ lấy dép

mà hất chúng vào thùng. Cái thích thú thứ hai là khi chúng tôi lội xuống nước,

chưa tới đầu gối, đàn cá ở đâu bơi ngang qua, cá to bằng cổ tay giống như cá lóc

của mình cứ quẩn vào chân. Không có vợt nên phải dùng bao rác để hớt cá, ấy thế

mà cũng được một số lớn. Sau đó một tiếng đồng hồ, chiến lợi phẩm là một “thùng

đá” lớn đầy cua và cá được khệ nệ mang về. Ngày hôm sau chúng tôi đi sắm vợt để

vớt cá, nhưng tiếc thay đàn cá đã không trở lại.

Một điều đáng kể nữa là bãi biển Galveston có rất nhiều muối, chúng tấn công

đến sưng cả người mặc dù chúng tôi đã có sáng kiến dùng bao rác, chọc thùng lỗ

để choàng qua đầu làm “áo giáp”. Muối Galveston đốt đau lắm, đau ngang muối

Florida. Ấy thế mà chúng tôi vẫn bắt gặp những cặp trai gái ngồi tâm tình khuất

trong bóng tối trên bãi biển dù bãi biển cũng đã không đèn. Họ giỏi chịu đựng thật.

Kể ra, đó cũng là điều lạ đáng nói của bãi biển Galveston về đêm. Những cặp đôi

ấy có mấy tay để đủ đập muối nhỉ? Hay muối chỉ tấn công du khách? Hay da thịt

người Á Châu thơm ngon và lạ hơn? Tôi mỉm cười với ý nghĩ ấy.

Thành phố Corpus Christi Chúng tôi ở lại Galveston hai đêm. Rạng sáng ngày thứ ba chúng tôi rời Galveston để tới bãi biển Corpus Christi (corp of Chist). Đây là bãi biển đẹp đã thu hút hàng trăm nghìn du khách hàng năm. Thời tiết ấm áp nên thích hợp cho việc tắm biển hay phơi nắng. Có nhiều khu cắm trại. Một địa danh của thành phố mang tên Padre Island National Seashore, đó là bãi biển cát trắng và có nhiều vỏ trai ốc đẹp. Và nên nhớ một điều là nếu ta muốn hưởng sự yên tĩnh trên bờ biển để nghe sóng vỗ thì chớ bao giờ tới Padre Island vào mùa xuân vì hàng nghìn học sinh sẽ đổ về đó tụ tập vui chơi trong những ngày “nghỉ mùa xuân” (spring break). Thành phố cũng còn có “Bảo tàng Văn hóa Á châu” (The Asian Cultures Museum) hay “Hồ nuôi cá” (The Texas State Aquarium). Chúng tôi cứ tiếp tục lái xe trên xa lộ dọc theo bờ biển của vịnh Mễ Tây Cơ (gulf of Mexico) xuôi về hướng cực Nam, gần ranh giới Hoa Kỳ và Mễ.

Những cuộc chiến tranh kế tiếp xảy ra cho Texas

- Chiến tranh về biên giới với Mễ Tây Cơ

Như một nhà sử học, Triều lại kể tôi nghe, vào thời kỳ Texas vừa trở thành tiểu bang của Hoa Kỳ, chỉ một năm sau (1846), cuộc chiến tranh lại xảy ra giữa Hoa Kỳ và Mễ Tây Cơ do tranh chấp biên giới. Theo phía Hoa Kỳ thì lằn ranh giới giữa hai nước được phân định bằng con sông Rio Grande, phía Mễ thì muốn ranh giới của họ phải tiến sâu vào nội địa về phía Bắc của Texas, và đường biên giới

mới phải được phân định bằng con sông Nueces River. Chiến tranh biên giới xảy ra và chiến thắng lại ở về phía Hoa Kỳ.

Sau cuộc chiến, trong hiệp ước Guadalupe Hidalgo, không những Mễ chịu công nhận ranh giới cũ, tức là sông Rio Grande, mà còn phải bán một vùng đất lớn cho Hoa Kỳ với giá 15 triệu đô-la gồm hầu hết đất thuộc những tiểu bang New Mexico, Arizona, California, Colorado, và Nevada ngày nay. Đồng thời, chính phủ Hoa Kỳ cũng đã mua một phần ba đất của Texas với giá 10 triệu đô la. Vùng đất mua từ Texas, ngày nay, đã là một phần hay toàn bộ đất đai của năm tiểu bang New Mexico, Oklahoma, Kansas, Colorado, và...

[Show original message](#)